

# **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

**Đặng Văn Dũng\***  
**Đình Quang Ngọc\*\***

## **Tóm tắt:**

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Chất lượng NCKH phản ánh đẳng cấp của một trường đại học, chính vì vậy, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh luôn quan tâm đẩy mạnh các hoạt động NCKH theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng. Tuy vậy, trong những năm gần đây, bên cạnh nhiều mặt đạt được, hoạt động NCKH, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và công tác quản lý NCKH của nhà trường vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng tới chất lượng NCKH chung của nhà trường. Chính vì vậy, đề tài tiến hành nghiên cứu, phân tích thực trạng, tìm ra những mặt còn tồn tại và nguyên nhân của chúng, để từ đó có căn cứ đề xuất các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng công tác NCKH của Nhà trường.

**Từ khóa:** Thực trạng, chất lượng, NCKH, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là trường đại học trọng điểm của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch về đào tạo cán bộ TDTT. Đào tạo và NCKH luôn được xác định là 2 mảng công việc chính của Trường. Trong đó, NCKH là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường. Công tác NCKH đã và đang được Nhà trường quan tâm đầu tư phát triển. Nhà trường có hệ thống trang thiết bị máy móc phục vụ NCKH TDTT hàng đầu; Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành một số quy định nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả công tác NCKH. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, các hoạt động NCKH của Trường (bao gồm cả giáo viên và sinh viên) chưa sôi nổi và hiệu quả. Số lượng cán bộ, giáo viên, đặc biệt là những người có trình độ tiến sĩ còn ít tham gia các đề tài cơ sở. Theo thống kê năm 2012, hàng năm chỉ có khoảng 65% số đơn vị đăng ký thực hiện các đề tài cấp cơ sở, số tiến sĩ tham gia chủ nhiệm các đề tài cơ sở chỉ chiếm khoảng 30%. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau làm ảnh hưởng tới hiệu quả công tác NCKH của Trường. Chính vì vậy, cần thiết phải tiến hành

nghiên cứu, đánh giá chính xác thực trạng hoạt động NCKH để trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp nâng cao hơn hiệu quả công tác NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Trong quá trình giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn và Phương pháp toán học thống kê.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

### **1. Thực trạng công tác NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

Để đánh giá thực trạng công tác NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đề tài đã tiến hành phỏng vấn đối với 89 cán bộ, giáo viên của Trường về các vấn đề liên quan. Nhằm bảo đảm tính chính xác và tính đại diện của các thông tin thu được thông qua phỏng vấn, chúng tôi tiến hành khảo sát đối tượng phỏng vấn về trình độ, thâm niên và đơn vị công tác. Đặc điểm đối tượng phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 1 cho thấy, có tới 91.11% số người được hỏi có trình độ từ

\*PGS.TS, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh  
\*\*TS, Phó Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**Reality of scientific research activities of staff, teacher at Bac Ninh Sports University**

**Summary:**

Scientific research is one of the important tasks of universities. Quality of scientific Research reflects the level of a university, therefore, Bac Ninh Sports University always pay attention to promoting scientific research activities towards diversification and improving the quality. However, In recent years, besides the achievement, scientific research activities, especially research activities of the staff, the teachers and the management of the university still reveals some limitations, affecting the overall quality of the school's scientific research. As a result, conducting research, analyzing the situation and finding out the remaining weakness should be prioritized with the aim to working out solutions.

**Keywords:** Reality, quality, scientific research, Bac Ninh sport University

**Bảng 1. Đặc điểm đối tượng tham gia phỏng vấn (n = 89)**

TT	Nội dung		Kết quả	
			Số người	Tỷ lệ %
1.	Giới tính	Nam	23	25.84
		Nữ	66	74.16
2.	Trình độ	PGS, GS, TS	26	29.21
		Thạc sĩ	55	61.68
		Cử nhân	8	8.99
3.	Thâm niên	< 5 năm	0	0
		5 – 10 năm	28	31.46
		10 – 20 năm	46	51.69
		> 20 năm	15	16.85
4.	Đơn vị	Bộ môn	62	69.66
		Khoa	6	6.74
		Phòng, Trung tâm, Trường NK	21	23.6

thạc sĩ trở lên, trong đó có 29.21% có trình độ tiến sĩ. Số cán bộ có thâm niên từ 10 năm trở lên chiếm tỷ lệ cao (68.54%). Số người được hỏi bao gồm cả giáo viên các bộ môn (69.66%), cán bộ ở các phòng, trung tâm, trường năng khiếu (23.60%) và cán bộ ở các khoa (6.74%). Như vậy, có thể thấy rằng những người tham gia phỏng vấn đa phần là những người có trình độ cao, có thâm niên công tác nhiều năm và được phân bổ đều ở các đơn vị trong trường. Vì vậy, các thông tin thu được thông qua phỏng vấn đảm bảo tính chính xác, có độ tin cậy và mang tính đại diện cao.

**1.1. Thực trạng tham gia các hoạt động NCKH của cán bộ giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

Để có căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động

công tác NCKH của cán bộ, giáo viên, cần thiết phải tiến hành xác định thực trạng tham gia các hoạt động NCKH của họ, trên cơ sở phỏng vấn 89 cán bộ, giáo viên đề tài đã tổng hợp và thu được kết quả như trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy, số người làm chủ nhiệm đề tài cấp bộ, cấp nhà nước rất ít (1.12% làm chủ nhiệm đề tài nhà nước, 6.74% làm chủ nhiệm đề tài cấp bộ); Số người tham gia các đề tài cấp cơ sở chiếm tỷ lệ tương đối cao, có tới 58.43% số người được hỏi không làm chủ nhiệm và 42.70% không tham gia thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở nào trong 5 năm gần đây. Chứng tỏ các cán bộ, giáo viên vẫn chưa thực sự quan tâm NCKH.

Về hoạt động hướng dẫn thực hiện đề tài khoa học, chỉ có 11.24% - 24.72% có tham gia

## BÀI BÁO KHOA HỌC

chi đạo các luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ. Trong khi đó có 51.69% cán bộ, giáo viên được hỏi không tham gia chi đạo các đề tài cử nhân, 85.39% không tham gia chi đạo các đề tài cấp cơ sở của sinh viên. Chứng tỏ các giáo viên còn ít tham gia vào các hoạt động chi đạo, hướng dẫn sinh viên, học viên NCKH.

Hoạt động đăng bài báo khoa học của cán bộ, giáo viên cũng còn nhiều hạn chế. Có tới gần 50% (47.19%) số người được hỏi trả lời, trong 5 năm trở lại đây, không đăng bất kỳ bài báo khoa học nào trên các tạp chí khoa học trong nước, và 92.13% không đăng bài trên các tạp chí quốc tế. Việc đăng bài tham dự các hội nghị

khoa học trong nước và quốc tế cũng rất khiêm tốn. Chỉ có 19.1% đăng bài tham gia hội nghị khoa học trong nước, 2.25% đăng bài tham dự hội nghị quốc tế.

Việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN hàng năm cũng là một trong những hoạt động quan trọng đối với cán bộ, giáo viên. Tuy nhiên thực tế cho thấy, trong 5 năm từ 2008-2012 chỉ có 1.12% người đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, 4.49% người đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, và cũng chỉ có 8.89% số người được hỏi tham gia đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Hoạt động biên soạn sách, giáo trình cũng như dịch thuật tài liệu phục vụ giảng dạy cũng

**Bảng 2. Thực trạng mức độ tham gia các hoạt động thuộc lĩnh vực NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong 5 năm từ 2008-2012 (n=89)**

TT	Nội dung	Kết quả			
		Tham gia		Không tham gia	
		mi	%	mi	%
1.	<b>Chủ nhiệm đề tài</b>				
	Cấp nhà nước	1	1.12	88	98.88
	Cấp bộ	6	6.74	83	93.26
	Cấp cơ sở	37	41.57	52	58.43
2.	<b>Tham gia đề tài</b>				
	Cấp nhà nước	6	6.74	83	93.26
	Cấp bộ	19	21.35	70	78.65
	Cấp cơ sở	51	57.3	38	42.7
3.	<b>Hướng dẫn NCKH</b>				
	Nghiên cứu sinh	10	11.24	79	88.76
	Học viên cao học	22	24.72	67	75.28
	Cử nhân	43	48.31	46	51.69
	Đề tài sinh viên cấp cơ sở	13	14.61	76	85.39
4.	<b>Đăng bài báo khoa học</b>				
	Trong nước	47	52.81	42	47.19
	Quốc tế	7	7.87	82	92.13
5.	<b>Công bố công trình NCKH trong các Hội nghị khoa học</b>				
	Trong nước	17	19.1	72	80.9
	Quốc tế	2	2.25	87	97.75
6.	<b>Đề xuất nhiệm vụ khoa học các cấp</b>				
	Cấp nhà nước	4	4.49	85	95.51
	Cấp bộ, tỉnh	8	8.99	81	91.01
	Cấp cơ sở	25	28.09	64	71.91
7.	<b>Viết sách, giáo trình</b>				
	Chủ biên	11	12.36	78	87.64
	Tham gia	18	20.22	71	79.78
8.	<b>Dịch tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu (từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt)</b>	9	10.11	80	89.89

là vấn đề đáng quan tâm. Mặc dù đa số những người tham gia phỏng vấn đều có trình độ từ thạc sĩ, tiến sĩ trở lên. Tuy nhiên, trong 5 năm từ 2008-2012, chỉ có 12.36% là chủ biên và 20.88% tham gia viết sách và giáo trình; và chỉ có 10.11% số người được hỏi tham gia dịch thuật tài liệu phục vụ giảng dạy.

Như vậy có thể thấy rằng, trong 5 năm trở lại đây (2008-2012), việc tham gia các hoạt động thuộc lĩnh vực NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh còn nhiều hạn chế, cần phải có các biện pháp tích cực để tăng cường, đẩy mạnh hơn hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên nhà trường.

**1.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về tầm quan trọng của các nhiệm vụ KH&CN**

Từ kết quả đánh giá thực trạng tham gia các hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, để xác định được nhân của những thực trạng đó, đề tài đã phỏng vấn 89 cán bộ, giáo viên. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, 100% các cán bộ, giáo viên nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của công tác KH&CN, trong đó đặc biệt có 84.27% người được hỏi cho rằng, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, khi xác định các hoạt động thuộc lĩnh vực NCKH, vẫn còn có nhiều người chưa xác định được đầy đủ, chính xác. Cụ thể, chỉ có 48.31% số người được hỏi cho rằng hoạt động dịch thuật tài liệu phục vụ giảng dạy là hoạt động NCKH (nghĩa là có 51.69% cho rằng không phải); vẫn còn 37.08% cho rằng viết sách, giáo trình phục vụ giảng dạy không phải là hoạt động NCKH. Ngoài ra còn một số ít cán bộ, giáo viên cho rằng, hoạt động viết và công bố bài báo (7.87%), hướng dẫn sinh viên, học viên, NCS làm đề tài, luận án (6.74%), tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học (7.87%) không phải hoạt động NCKH. Như vậy có thể thấy, đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu nhất khiến cán bộ, giáo viên của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tham gia và các hoạt động NCKH còn hạn chế.

**Bảng 3. Thực trạng nhận thức của cán bộ, giáo viên về các hoạt động NCKH (n=89)**

TT	Nội dung	Kết quả	
		Số người lựa chọn	Tỷ lệ %
1	<b>Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của công tác KH&amp;CN</b>		
	Rất quan trọng	75	84.27
	Quan trọng	14	15.73
	Không quan trọng	0	0
2	<b>Hoạt động nghiên cứu khoa học</b>		
	Viết sách, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy	56	62.92
	Dịch thuật tài liệu phục vụ giảng dạy	43	48.31
	Nghiên cứu đề tài khoa học	89	100
	Viết và công bố bài báo khoa học	82	92.13
	Hướng dẫn nghiên cứu đề tài luận án sinh viên, cao học và tiến sĩ	83	93.26
	Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học	82	92.13

**1.3. Thực trạng nguyên nhân ảnh hưởng tới hoạt động NCKH của cán bộ giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong 5 năm từ 2008-2012**

Tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua phỏng vấn. Kết quả thu

được trình bày ở bảng 4.

Kết quả thu được ở bảng 4 cho thấy, mặc dù cơ sở vật chất và kinh phí cho NCKH tương đối tốt, có 77.53% số người được hỏi đánh giá ở mức khá và tốt, tuy nhiên đa số cho rằng, công tác quản lý NCKH từ năm 2008-2012 của Trường còn hạn chế, chỉ đạt ở mức trung bình (53.93%), thậm chí có 5.62% cho rằng công tác



Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đã được trang bị nhiều thiết bị NCKH hiện đại. Ảnh: Hệ thống máy phân tích khí và tìm mạch Kortex MetaMax 3B

quản lý NCKH còn yếu kém; Việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chung của nhà trường chủ yếu ở mức trung bình và khá. Trong khi đó, việc ứng dụng KH&CN trong giảng dạy của cán bộ, giáo viên nhà trường phần lớn còn ở mức trung bình 46.07%, thậm chí có 7.87% cho rằng chỉ ở mức yếu. Ý thức tham gia, thực hiện các nhiệm vụ KH&CN còn chưa cao, 48.31% cho rằng chỉ ở mức trung bình, thậm chí có 7.87% đánh giá ở mức yếu.

**KẾT LUẬN**

- Hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TĐTT trong giai đoạn 2008 – 2012 còn nhiều hạn chế.

- Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh gồm: cán bộ giáo viên chưa xác định được đầy đủ các hoạt động thuộc lĩnh vực NCKH, ý thức tham gia cũng như thực hiện các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế, mức

độ ứng dụng KH&CN vào thực tiễn quá trình giảng dạy và huấn luyện còn ở mức trung bình. Bên cạnh đó, việc quản lý hoạt động khoa học còn hạn chế cũng là một trong những nguyên nhân khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo tổng kết công tác NCKH của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh năm 2013.
2. Phạm Đình BẨM (2005), *Một số vấn đề cơ bản về quản lý TĐTT*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
3. *Đề án nâng cấp Trung tâm KHKH TĐTT lên Viện Khoa học và Công nghệ TĐTT*, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh năm 2014.
4. Vũ Chung Thủy, Đinh Quang Ngọc, “Thực trạng và định hướng công tác NCKH của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh”, *Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, Số 1/2014.

**Bảng 4. Thực trạng các nguyên nhân ảnh hưởng tới hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh trong 5 năm từ 2008-2012 (n=89)**

TT	Nội dung	Kết quả							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		m <sub>1</sub>	%	m <sub>1</sub>	%	m <sub>1</sub>	%	m <sub>1</sub>	%
1.	Cơ sở vật chất, kinh phí cho NCKH	23	25.84	46	51.69	18	20.22	2	2.25
2.	Công tác quản lý NCKH	11	12.36	25	28.09	48	53.93	5	5.62
3.	Việc thực hiện các NV KH&CN	15	16.85	37	41.57	35	39.33	2	2.25
4.	Ứng dụng KH&CN trong giảng dạy, huấn luyện	11	12.36	30	33.71	41	46.07	7	7.87
5.	Ý thức tham gia, thực hiện nhiệm vụ KHCN	10	11.24	29	32.58	43	48.31	7	7.87

(Bài nộp ngày 24/10/2014, phản biện ngày 30/12/2014, duyệt in ngày 12/10/2015)